

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí cho các xã, phường để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 12302/TTr-STC ngày 19 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí cho các xã, phường để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số kinh phí bổ sung có mục tiêu: 96.768 triệu đồng (chín mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính và đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định). Kinh phí bổ sung có mục tiêu được giao tại Quyết định này chỉ phê duyệt tổng số nhằm bổ sung nguồn lực từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ; UBND tỉnh không phê duyệt chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi cụ thể; các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán kinh phí được bổ sung và tuân thủ đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm định kỳ tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung UBND tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán các khoản HĐND tỉnh chưa phân bổ chi tiết, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường được bổ sung kinh phí có trách nhiệm rà soát lại các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, đảm bảo đối tượng được hưởng chính sách theo đúng chế độ; đồng thời, quản lý, sử dụng kinh phí được bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phân bổ, sử dụng, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình. Trường hợp thực hiện chế độ, chính sách không đúng quy định, các đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ; kịp thời báo cáo UBND tỉnh nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của cấp ngân sách, đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách được bổ sung kinh phí có mục tiêu tại Quyết định này; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường có tên tại phụ lục;
- Lưu: VT, KTTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục:
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU KINH PHÍ THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	96.768	
1	Phường Hạc Thành	3.075	
2	Phường Nguyệt Viên	2.848	
3	Phường Đông Tiến	2.205	
4	Phường Đông Sơn	1.918	
5	Phường Sầm Sơn	4.390	
6	Phường Bím Sơn	1.747	
7	Phường Ngọc Sơn	2.612	
8	Xã Hà Trung	2.506	
9	Xã Lĩnh Toại	2.638	
10	Xã Hoạt Giang	2.393	
11	Xã Hà Long	2.423	
12	Xã Hoàng Giang	2.094	
13	Xã Tống Sơn	2.327	
14	Xã Hồ Vương	2.837	
15	Xã Tân Tiến	1.248	
16	Xã Đông Thành	1.215	
17	Xã Vạn Lộc	3.289	
18	Xã Quảng Ngọc	4.098	
19	Xã Tiên Trang	3.144	
20	Xã Nông Cống	2.670	
21	Xã Thắng Lợi	3.660	
22	Xã Trường Văn	1.463	
23	Xã Trung Chính	2.756	
24	Xã Triệu Sơn	2.291	
25	Xã Xuân Lập	1.801	
26	Xã Xuân Hòa	1.628	

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
27	Xã Thiệu Hóa	8.764	
28	Xã Thiệu Quang	3.350	
29	Xã Vĩnh Lộc	1.717	
30	Xã Tây Đô	3.285	
31	Xã Biện Thượng	2.644	
32	Xã Kim Tân	1.518	
33	Xã Cẩm Thủy	3.894	
34	Xã Điền Quang	1.331	
35	Xã Quý Lương	1.097	
36	Xã Thường Xuân	966	
37	Xã Hóa Quỳ	1.216	
38	Xã Thượng Ninh	1.710	